

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 234/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2024 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông **Bùi Văn N**, sinh năm 1986. Hộ khẩu thường trú: **ấp P, thị trấn D, huyện T, tỉnh Đồng Nai**. Chỗ ở hiện nay: **Tổ D, ấp B, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai**.

- Bà **Lê Thị H**, sinh năm 1990. Địa chỉ: **Tổ D, ấp B, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai**.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Xét thấy quan hệ giữa ông **Bùi Văn N** và bà **Lê Thị H** là hôn nhân hợp pháp, ngày 22/5/2024, Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ; giải thích về quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng, giữa cha, mẹ và con, về trách nhiệm cấp dưỡng và các vấn đề khác có liên quan. Kết quả hòa giải đoàn tụ không thành. Các đương sự yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của họ như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông **Bùi Văn N** và bà **Lê Thị H** thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung:

+ Giao cho bà **Lê Thị H** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và **giáo dục A** (một) con chung là cháu **Bùi Thanh M**, sinh ngày 17/8/2022.

+ Ông **Bùi Văn N** có nghĩa vụ đóng góp cho bà **Lê Thị H** tiền cấp dưỡng nuôi cháu **Bùi Thanh M** mỗi tháng 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng), kể từ ngày 30/5/2024 đến khi cháu **Bùi Thanh M** đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bà **Lê Thị H** có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền trên, nếu ông **Bùi Văn N** chậm thi hành án thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

+ Không ai được cản trở quyền thăm nom con chung của ông **Bùi Văn N**.

+ Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Các đương sự khai không có.

[5] Về lệ phí: Các đương sự đồng ý chuyên 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0006709 ngày 14/3/2024 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom sang nộp lệ phí dân sự sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông **Bùi Văn N** và bà **Lê Thị H** thuận tình ly hôn.

- Về con chung:

+ Giao cho bà **Lê Thị H** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và **giáo dục A** (một) con chung là cháu **Bùi Thanh M**, sinh ngày 17/8/2022.

+ Ông **Bùi Văn N** có nghĩa vụ đóng góp cho bà **Lê Thị H** tiền cấp dưỡng nuôi cháu **Bùi Thanh M** mỗi tháng 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng), kể từ ngày 30/5/2024 đến khi cháu **Bùi Thanh M** đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bà **Lê Thị H** có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền trên, nếu ông **Bùi Văn N** chậm thi hành án thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

+ Không ai được cản trở quyền thăm nom con chung của ông **Bùi Văn N**.

+ Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông **Bùi Văn N** và bà **Lê Thị H** phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí sơ thẩm mà ông **Bùi Văn N** và bà **Lê Thị H** đã nộp theo biên lai thu số 0006709 ngày 14/3/2024 tại Chi cục thi hành án huyện T, tỉnh Đồng Nai. Ông **Bùi Văn N** và bà **Lê Thị H** đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Dương sự;
- VKSND huyện Trảng Bom;
- UBND Thị trấn Dầu Giây, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai (*nơi đăng ký kết hôn 01/10/2020, số 101*)
- Chi cục THADS huyện Trảng Bom;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

*Mẫu 31-VDS*

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Mạnh Dân**